



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008  
đã được kiểm toán*



**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

## NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	06 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 23



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2008 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 60/2001/QĐ-TTg ngày 24/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000534 ngày 01/08/2001, được thay đổi lần thứ 8 ngày 02/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, trang thiết bị, vật tư y tế. Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, sữa, sản phẩm dinh dưỡng, kính đeo mắt, vật tư - máy móc - phụ tùng các loại. Sửa chữa, bảo trì các loại máy móc và thiết bị y tế. Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng. Sản xuất, mua bán tinh dầu, hương liệu, nông-lâm sản, thực phẩm, thiết bị ngành y tế và ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương, xe cứu hỏa, thang máy, lò thiêu (xác, xử lý rác), máy giặt công nghiệp, máy phát điện, hàng điện tử và linh kiện điện tử, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở công ty). Mua bán vật liệu ngành in. In trên bao bì (không in tại trụ sở công ty). Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Dịch vụ kế khai hải quan. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở công ty). Giặt ủi. Tư vấn du học. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Môi giới thương mại.

Vốn điều lệ của Công ty là 28.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Số 9 ngách 97/24 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	K49/51 Ông Ích Khiêm, Phường Tân Bình, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	69 Cách mạng tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Chi nhánh Quy Nhơn	297A Nguyễn Huệ, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Nhà thuốc Yteco số 1	419 Trần Hưng Đạo, Khu vực 2, Phường 1, TX Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Hiệu thuốc số 1	Trung tâm Thương mại Dược phẩm và trang thiết bị Y tế - số 134/1 Tô Hiến Thành, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 2	Trung tâm Dược phẩm Phú Thọ - 940 Đường 3/2, Quận 11, Tp.HCM
Hiệu thuốc số 3	68 Cách mạng tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 4	68 Cách mạng tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 5	37D Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 6	65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 7	90 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



## **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

### **Hội đồng Quản trị**

Ông	VŨ KHÁNH	Chủ tịch
Ông	NGUYỄN XUÂN CẨM	Thành viên
Ông	LÊ THIÊN PHƯỚC	Thành viên
Ông	TRẦN VĂN THÙNG	Thành viên
Ông	TRỊNH ĐÀO CUNG	Thành viên
Bà	DƯƠNG THỊ XUÂN HÀ	Thành viên

### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông	LÊ THIÊN PHƯỚC	Giám đốc
Ông	TRỊNH ĐÀO CUNG	Phó Giám đốc
Ông	NGUYỄN HẢI HÀ	Kế toán trưởng

### **Ban Kiểm soát**

Bà	VŨ THỊ THU CÚC	Trưởng ban
Ông	NGUYỄN QUANG VINH	Thành viên

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

---

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2008, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 24 tháng 03 năm 2009

TM BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc



DS. Lê Thiện Phước







Số 31/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm tài chính 2008 kết thúc vào ngày 31/12/2008  
của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 24 tháng 03 năm 2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính 2007 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày từ trang 07 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



**ĐỖ KHẮC THANH**  
Chứng chỉ KTV số Đ0064/KTV

TP HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2009

Kiểm Toán Viên

**NGUYỄN VŨ**  
Chứng chỉ KTV số 0699/KTV





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>219.102.964.678</b>	<b>159.346.918.065</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>29.880.238.482</b>	<b>11.410.872.252</b>
1. Tiền	111	V.01	28.880.238.482	11.410.872.252
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.02	1.000.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.03</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>120.622.511.794</b>	<b>84.870.368.291</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		111.787.507.174	78.300.109.750
2. Trả trước cho người bán	132		8.455.468.544	4.781.653.423
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	1.516.841.472	2.586.759.034
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.137.305.396)	(798.153.916)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>53.684.718.599</b>	<b>46.404.107.139</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	56.257.387.053	47.630.820.437
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(2.572.668.454)	(1.226.713.298)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.915.495.803</b>	<b>6.661.570.383</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.488.750	5.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		711.504.988	294.800.233
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.06	20.450.718	310.059.853
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	5.157.051.347	6.051.710.297
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.383.314.593</b>	<b>8.303.495.537</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.660.816.796</b>	<b>7.545.947.196</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	5.873.029.574	5.727.640.789
- Nguyên giá	222		11.182.561.561	10.276.844.324
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.309.531.987)	(4.549.203.535)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	545.685.870	633.407.706
- Nguyên giá	225		735.533.545	735.533.545
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(189.847.675)	(102.125.839)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	650.671.246	722.744.722
- Nguyên giá	228		1.709.023.600	1.709.023.600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.058.352.354)	(986.278.878)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2.591.430.106	462.153.979
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>326.009.749</b>	<b>361.064.557</b>
- Nguyên giá	241		870.771.720	870.771.720
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(544.761.971)	(509.707.163)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>35.000.000</b>	<b>91.600.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	35.000.000	91.600.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>361.488.048</b>	<b>304.883.784</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	242.482.698	177.816.684
3. Tài sản dài hạn khác	268		119.005.350	127.067.100
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>229.486.279.271</b>	<b>167.650.413.602</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>192.366.001.455</b>	<b>131.094.289.798</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>190.192.808.762</b>	<b>128.017.297.233</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	34.154.582.192	22.527.483.227
2. Phải trả người bán	312		132.814.907.320	87.940.755.304
3. Người mua trả tiền trước	313		16.873.916.224	12.415.518.252
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.781.954.105	528.047.341
6. Chi phí phải trả	316	V.17	154.675.727	58.884.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	4.412.773.194	4.546.609.109
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.173.192.693</b>	<b>3.076.992.565</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.883.120.333	2.436.052.307
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	290.072.360	640.940.258
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>37.120.277.816</b>	<b>36.556.123.804</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>35.897.259.436</b>	<b>35.593.577.056</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.000.000.000	28.000.000.000
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.214.513.966	4.845.850.007
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.660.959.842	1.397.628.443
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.021.785.629	1.350.098.606
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.223.018.380</b>	<b>962.546.748</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.223.018.380	962.546.748
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>229.486.279.271</b>	<b>167.650.413.602</b>

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Nợ khó đòi đã xử lý		17.293.920	17.293.920
5. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ		54.190,88	343.327,53
- Bảng Anh		2,43	
- Euro		3.172,27	622,26

Ngày 24 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu



Đào Thị Việt Thành

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Hà

Giám Đốc



ĐS. Lê Thiện Phước



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	253.215.199.275	226.932.182.327
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.870.591.520	2.174.154.855
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		249.344.607.755	224.758.027.472
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	226.098.408.185	208.811.135.271
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.246.199.570	15.946.892.201
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	3.740.882.762	2.327.871.182
7. Chi phí tài chính	22	VI.24	3.374.675.020	1.377.365.597
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.209.220.018	989.070.466
8. Chi phí bán hàng	24		11.054.070.541	6.581.268.455
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.342.155.306	5.489.048.978
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.216.181.465	4.827.080.353
11. Thu nhập khác	31		1.121.280.576	1.585.459.461
12. Chi phí khác	32		37.571.615	26.246.528
13. Lợi nhuận khác	40		1.083.708.961	1.559.212.933
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.299.890.426	6.386.293.286
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.25	2.033.262.451	1.795.218.117
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.266.627.975	4.591.075.169
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26	18.809	16.397

Ngày 24 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc







Đào Thị Việt Thành

Nguyễn Hải Hà

  
Lê Thiện Phước

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

( Theo phương pháp gián tiếp )

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.299.890.426	6.386.293.286
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		955.178.572	816.593.424
- Các khoản dự phòng	03		1.685.106.636	3.990.130
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		278.949.110	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.827.967.549)	(1.238.341.333)
- Chi phí lãi vay	06		2.209.220.018	989.070.466
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.600.377.213	6.957.605.973
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(35.295.219.185)	451.962.125
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(8.626.566.616)	71.632.344
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		51.760.253.765	(11.762.174.416)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(86.154.764)	110.740.418
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.209.220.018)	(989.070.466)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.349.966.344)	(1.884.356.973)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.060.273.963)	(1.030.912.817)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		12.733.230.088	(8.074.573.812)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.034.993.364)	(2.374.338.842)
4. Tiền thu hồi từ cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.056.600.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.827.967.549	1.238.341.333
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(150.425.815)	(1.135.997.509)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		75.629.684.121	46.762.941.988
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(64.149.214.816)	(33.005.699.657)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(204.238.238)	(129.039.845)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.110.720.000)	(2.172.155.371)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		6.165.511.067	11.456.047.115
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		18.748.315.340	2.245.475.794
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.410.872.252	9.165.396.458
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(278.949.110)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( 50+60+61 )</b>	70	VII.27	29.880.238.482	11.410.872.252

1020506  
CÔNG TY  
CHỨC VỤ T  
CHÍNH K  
VÀ KIỂM T  
PHÍA N  
TP. HỒ

Người lập biểu



Đào Thị Việt Thành

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Hà



Ngày 24 tháng 03 năm 2009

Giám Đốc



Lê Thiện Phước



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

### I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 60/2001/QĐ-TTg ngày 24/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000534 ngày 01/08/2001, được thay đổi lần thứ 8 ngày 02/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, trang thiết bị, vật tư y tế. Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, sữa, sản phẩm dinh dưỡng, kính đeo mắt, vật tư – máy móc – phụ tùng các loại. Sửa chữa, bảo trì các loại máy móc và thiết bị y tế. Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng. Sản xuất, mua bán tinh dầu, hương liệu, nông-lâm sản, thực phẩm, thiết bị ngành y tế và ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương, xe cứu hỏa, thang máy, lò thiêu (xác, xử lý rác), máy giặt công nghiệp, máy phát điện, hàng điện tử và linh kiện điện tử, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở công ty). Mua bán vật liệu ngành in. In trên bao bì (không in tại trụ sở công ty). Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Dịch vụ kê khai hải quan. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở công ty). Giặt ủi. Tư vấn du học. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Môi giới thương mại.

Vốn điều lệ của Công ty là 28.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Số 9 ngách 97/24 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	K49/51 Ông Ích Khiêm, Phường Tân Bình, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	69 Cách mạng tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Chi nhánh Quy Nhơn	297A Nguyễn Huệ, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Nhà thuốc Yteco số 1	419 Trần Hưng Đạo, Khu vực 2, Phường 1, TX Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Hiệu thuốc số 1	Trung tâm Thương mại Dược phẩm và trang thiết bị Y tế - số 134/1 Tô Hiến Thành, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 2	Trung tâm Dược phẩm Phú Thọ - 940 Đường 3/2, Quận 11, Tp.HCM
Hiệu thuốc số 3	68 Cách mạng tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 4	68 Cách mạng tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 5	37D Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 6	65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 7	90 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ trong kế toán

#### 1. Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.





**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực ban hành kèm theo. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

*Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

**2.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.





**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp trích lập dự phòng như sau :

- Đối với hàng hóa chờ thanh lý, kém phẩm chất, quá hạn sử dụng hoặc có hạn sử dụng dưới 6 tháng: dự phòng giảm giá 100% giá trị;
- Đối với hàng hóa có hạn sử dụng dưới 1 năm và trên 6 tháng : dự phòng giảm giá 50% giá trị.

### **3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:** Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 12 năm
- Tài sản cố định vô hình	25 năm
- Phần mềm máy tính	8 năm

### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

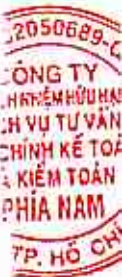
Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".





Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:**

*Chi phí trả trước:* Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

*Chi phí khác:* Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

*Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:*

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:*





- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.



V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. Tiền</b>		
- Tiền mặt	705.057.253	672.594.190
- Tiền gửi ngân hàng	28.175.181.229	10.738.278.062
<b>Cộng</b>	<b>28.880.238.482</b>	<b>11.410.872.252</b>
<b>2. Các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.000.000.000	-
(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK) - Số giao dịch theo Hợp đồng số 171 HD.NHAB.08 ngày 13/10/2008. Khoản tiền này đã được thế chấp để vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động.		
<b>3. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
- Tiền gửi kỳ hạn (*)	9.000.000.000	10.000.000.000
(*) Chi tiết số dư:		
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình - Số giao dịch	2.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Sài Gòn	7.000.000.000	
<b>4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Tại Văn phòng Công ty	919.369.930	969.494.457
- Hiệu thuốc số 1	5.773.839	426.430.020
- Hiệu thuốc số 2	1.228.899	9.366.299
- Hiệu thuốc số 3	1.834.985	714.656.734
- Chi nhánh Hà Nội	87.813.128	189.064.784
- Chi nhánh Đà Nẵng	5.565.087	53.390.384
- Chi nhánh Cần Thơ	495.255.604	224.356.356
<b>Cộng</b>	<b>1.516.841.472</b>	<b>2.586.759.034</b>
<b>5. Hàng tồn kho</b>		
- Hàng mua đang đi đường	114.959.828	-
- Hàng hoá	56.142.427.225	47.630.820.437
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>56.257.387.053</b>	<b>47.630.820.437</b>
<b>6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
- Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	310.059.853
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	20.450.718	-
<b>Cộng</b>	<b>20.450.718</b>	<b>310.059.853</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**7. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tâm ứng	776.120.019	408.928.074
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.363.369.190	5.387.549.229
- Tài sản thiếu chờ xử lý	1.017.562.138	255.232.994
<b>Cộng</b>	<b>5.157.051.347</b>	<b>6.051.710.297</b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
Số dư đầu năm	6.363.332.401	150.352.358	2.635.280.023	1.127.879.542	10.276.844.324
Mua trong năm	239.339.850	95.309.160		571.068.227	905.717.237
Số dư cuối năm	6.602.672.251	245.661.518	2.635.280.023	1.698.947.769	11.182.561.561
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1- Số dư đầu năm	2.737.054.966	81.645.412	1.159.883.778	570.619.379	4.549.203.535
2- Khấu hao trong năm	316.766.796	18.135.233	226.828.455	198.597.968	760.328.452
3- Thanh lý, nhượng bán					-
4- Số dư cuối năm	3.053.821.762	99.780.645	1.386.712.233	769.217.347	5.309.531.987
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
1- Tại ngày đầu năm	3.626.277.435	68.706.946	1.475.396.245	557.260.163	5.727.640.789
2- Tại ngày cuối năm	3.548.850.489	145.880.873	1.248.567.790	929.730.422	5.873.029.574

Công ty đã thế chấp xe Toyota biển số 50Z-0649 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Sài Gòn cho Hợp đồng tín dụng số 0025/07/SG ngày 21/06/2007.

**9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>		
Số dư đầu năm	735.533.545	735.533.545
Thuê tài chính trong năm		-
Trả lại tài sản thuê tài chính		-
Số dư cuối năm	735.533.545	735.533.545
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	102.125.839	102.125.839
Khấu hao trong năm	87.721.836	87.721.836
Trả lại tài sản thuê tài chính		-
Số dư cuối năm	189.847.675	189.847.675
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>		
Tại ngày đầu năm	633.407.706	633.407.706
Tại ngày cuối năm	545.685.870	545.685.870



10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính, website	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
1- Số dư đầu năm	1.633.223.600	75.800.000	1.709.023.600
2- Mua trong năm			-
3- Số giảm trong năm			-
4- Số dư cuối năm	1.633.223.600	75.800.000	1.709.023.600
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1- Số dư đầu năm	928.812.210	57.466.668	986.278.878
2- Khấu hao trong năm	65.406.804	6.666.672	72.073.476
3- Số giảm trong năm			-
4- Số dư cuối năm	994.219.014	64.133.340	1.058.352.354
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
1- Tại ngày đầu năm	704.411.390	18.333.332	722.744.722
2- Tại ngày cuối năm	639.004.586	11.666.660	650.671.246

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.591.430.106	462.153.979
Trong đó:		
+ Công trình nhà kho	333.482.453	205.335.817
+ Công trình xây dựng cao ốc	685.295.469	-
+ Hệ thống thông tin Quản trị doanh nghiệp	1.572.652.184	256.818.162

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>870.771.720</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>870.771.720</b>
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	870.771.720			870.771.720
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>509.707.163</b>	<b>35.054.808</b>	<b>-</b>	<b>544.761.971</b>
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	509.707.163	35.054.808		544.761.971
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>361.064.557</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>326.009.749</b>
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	361.064.557			326.009.749
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				



**13. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công trái và trái phiếu	35.000.000	91.600.000

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	109.424.677	27.609.497
- Chi phí tại Chi nhánh Đà Nẵng	-	28.843.546
- Phần mềm quản lý GDP	5.833.332	
- Chi phí sửa chữa	20.861.055	
- Tiền đăng ký sử dụng gian hàng	106.363.634	121.363.641
<b>Cộng</b>	<b>242.482.698</b>	<b>177.816.684</b>

**15. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	33.992.729.295	22.323.259.990
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả	161.852.897	204.223.237
+ Hợp đồng số 1995-06236 ngày 31/07/2006	95.360.972	145.915.164
+ Hợp đồng số 2168-07009 ngày 03/01/2007	66.491.925	58.308.073
<b>Cộng</b>	<b>34.154.582.192</b>	<b>22.527.483.227</b>

(\*) Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn

+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	104.687,50	USD
+ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Sài Gòn	1.123.329,41	USD
+ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Sài Gòn	1.489.607.119	VND
+ Ngân hàng BIDV - Sở Giao dịch 2	691.561,30	USD

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	135.235.367	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.516.778.107	168.362.969
- Thuế xuất, nhập khẩu	97.804.486	18.596.900
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	296.253.175
- Các loại thuế khác	32.136.145	44.834.297
<b>Cộng</b>	<b>1.781.954.105</b>	<b>528.047.341</b>

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ được Cơ quan Thuế kiểm tra, thẩm định lại. Sau khi có quyết định chính thức của Cơ quan Thuế, những phát sinh chênh lệch (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh vào giai đoạn sau.

**17. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê văn phòng Chi nhánh Hà Nội	154.675.727	58.884.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.492.920	1.492.920
- Kinh phí công đoàn	(4.512.556)	17.691.735
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.571.282.193	1.113.287.454
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.734.720.000	3.203.240.000
- Mượn tiền cá nhân	100.000.000	
- Phải trả, phải nộp khác	9.790.637	210.897.000
<b>Cộng</b>	<b>4.412.773.194</b>	<b>4.546.609.109</b>

**19. Các khoản vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay dài hạn ngân hàng (*)	283.500.000	472.500.000
- Nợ dài hạn thuế tài chính	6.572.360	168.440.258
<b>Cộng</b>	<b>290.072.360</b>	<b>640.940.258</b>

(\*) Đây là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 0025/07/SG ngày 21/06/2007. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô. Lãi suất vay 1,02 %/ tháng. Biện pháp đảm bảo tiền vay: thế chấp xe ô tô hiệu Toyota biển số 50Z-0649.

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
- Số dư đầu năm trước	28.000.000.000	4.524.474.745	1.168.074.684	1.736.533.977	35.429.083.406
- Lãi trong năm trước				4.591.075.169	4.591.075.169
- Tạm trích quỹ		321.375.262	229.553.759	(1.469.144.054)	(918.215.033)
- Chia cổ tức				(3.360.000.000)	(3.360.000.000)
- Lương HĐQT, Ban Kiểm soát				(148.366.486)	(148.366.486)
- Số dư cuối năm trước	28.000.000.000	4.845.850.007	1.397.628.443	1.350.098.606	35.593.577.056
- Số dư đầu năm nay	28.000.000.000	4.845.850.007	1.397.628.443	1.350.098.606	35.593.577.056
- Lợi nhuận tăng trong năm				5.266.627.975	5.266.627.975
- Tạm trích quỹ		368.663.958	263.331.399	(1.685.320.952)	(1.053.325.595)
- Chia cổ tức				(3.640.000.000)	(3.640.000.000)
- Lương HĐQT, Ban Kiểm soát				(269.620.000)	(269.620.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>5.214.513.965</b>	<b>1.660.959.842</b>	<b>1.021.785.629</b>	<b>35.897.259.436</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
- Vốn góp của Nhà nước	8.120.000.000	29%	8.120.000.000	29%
- Vốn góp của Công nhân viên Công ty	2.064.000.000	7%	1.934.000.000	7%
- Vốn góp của cá nhân	17.816.000.000	64%	17.946.000.000	64%
<b>Cộng</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>100%</b>





c. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	280.000	280.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	280.000	280.000
+ Cổ phiếu phổ thông	280.000	280.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	280.000	280.000
+ Cổ phiếu phổ thông	280.000	280.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 đồng.

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	5.214.513.966	4.845.850.007
- Quỹ dự phòng tài chính	1.660.959.842	1.397.628.443
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.223.018.380	962.546.748

\* Mục đích lập và trích các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển: theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
- Quỹ dự phòng tài chính: Dự phòng rủi ro tài chính và bổ sung vốn kinh doanh.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:
  - + Quỹ khen thưởng dùng để khen thưởng cán bộ công nhân viên của Công ty vào những dịp lễ tết, nhằm khuyến khích người lao động.
  - + Quỹ phúc lợi dùng để ủng hộ người nghèo, các đoàn thể, tổ chức xã hội địa phương.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

21. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	253.215.199.275	226.932.182.327
Trong đó:		
+ Tại Văn phòng Công ty	211.203.937.835	192.657.237.815
+ Hiệu thuốc số 1	1.002.361.504	3.823.777.908
+ Hiệu thuốc số 2	2.170.382.643	2.256.253.096
+ Hiệu thuốc số 3		659.856.677
+ Hiệu thuốc số 4	4.945.107.980	4.875.234.298
+ Hiệu thuốc số 5	170.189.482	98.573.836
+ Hiệu thuốc số 6	199.658.185	97.995.778
+ Hiệu thuốc số 7	288.451.635	93.643.460
+ Chi nhánh Hà Nội	4.073.274.786	4.664.332.369
+ Chi nhánh Đà Nẵng	2.245.261.292	2.212.996.043
+ Chi nhánh Cần Thơ	26.877.149.548	15.492.281.047
+ Chi nhánh Bình Định	39.424.385	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Các khoản giảm trừ doanh thu	3.870.591.520	2.174.154.855
+ Chiết khấu thương mại		1.987.984
+ Hàng bán bị trả lại	3.870.591.520	2.172.166.871
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	249.344.607.755	224.758.027.472
+ Tại Văn phòng Công ty	207.629.059.440	190.740.039.290
+ Hiệu thuốc số 1	1.002.361.504	3.823.777.908
+ Hiệu thuốc số 2	2.170.382.643	2.256.253.096
+ Hiệu thuốc số 3	-	659.856.677
+ Hiệu thuốc số 4	4.945.107.980	4.875.234.298
+ Hiệu thuốc số 5	170.189.482	98.573.836
+ Hiệu thuốc số 6	199.658.185	97.995.778
+ Hiệu thuốc số 7	288.451.635	93.643.460
+ Chi nhánh Hà Nội	4.021.892.470	4.601.033.157
+ Chi nhánh Đà Nẵng	2.222.222.694	2.150.048.466
+ Chi nhánh Cần Thơ	26.655.857.337	15.361.571.506
+ Chi nhánh Bình Định	39.424.385	-

**22. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
+ Tại Văn phòng Công ty	187.975.791.870	177.234.013.321
+ Hiệu thuốc số 1	919.955.082	3.590.110.737
+ Hiệu thuốc số 2	1.973.616.110	2.095.999.572
+ Hiệu thuốc số 3		628.878.810
+ Hiệu thuốc số 4	4.546.844.284	4.463.964.443
+ Hiệu thuốc số 5	153.570.382	90.270.219
+ Hiệu thuốc số 6	183.035.948	89.695.393
+ Hiệu thuốc số 7	236.060.238	71.818.605
+ Chi nhánh Hà Nội	3.961.943.649	4.256.094.294
+ Chi nhánh Đà Nẵng	1.860.915.169	1.987.978.672
+ Chi nhánh Cần Thơ	24.248.281.872	14.302.311.205
+ Chi nhánh Bình Định	38.393.581	
<b>Cộng</b>	<b>226.098.408.185</b>	<b>208.811.135.271</b>

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	1.827.967.549	1.238.341.333
- Thu khác	1.184.341.218	1.055.779.194
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	728.573.995	33.750.655
<b>Cộng</b>	<b>3.740.882.762</b>	<b>2.327.871.182</b>





24. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	2.209.220.018	989.070.466
- Chiết khấu thanh toán	177.000.439	388.295.131
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	570.211.253	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	278.949.110	
- Chi phí tài chính khác	139.294.200	
<b>Cộng</b>	<b>3.374.675.020</b>	<b>1.377.365.597</b>

25. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.299.890.426	6.386.293.286
Các khoản điều chỉnh tăng	550.543.749	25.199.991
Tổng số thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành	7.850.434.175	6.411.493.277
Thuế suất phổ thông	28%	28%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.198.121.569	1.795.218.117
Giảm 30% thuế thu nhập quý 4 (theo thông tư 03/2009/TT-BTC)	164.859.118	-
Thuế TNDN phải nộp	2.033.262.451	1.795.218.117

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.266.627.975	4.591.075.169
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	280.000	280.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.809	16.397

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

27. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. Những thông tin khác

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được Công ty AASCS kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Ngày 24 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu



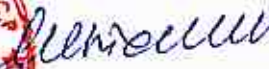
Đào Thị Việt Thành

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Hà

Giám Đốc

Lê Thiện Phước